

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 9 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 49

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có ba trăm bốn mươi ba (343) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên
Bà Đồng Thị Thanh Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phan Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vũ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vũ ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 51/UQ/CT-HĐQT/2016 ngày 23 tháng 3 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2017

Số tham chiếu: 61183992/19355153-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 12 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhất Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.763.371.131.704	7.057.496.113.079
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	292.371.319.351	576.620.705.083
111	1. Tiền		292.227.797.476	576.477.183.208
112	2. Các khoản tương đương tiền		143.521.875	143.521.875
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.827.514.998.306	1.097.734.614.933
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.147.622.356.201	512.883.028.481
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	349.063.969.833	418.334.564.354
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		25.400.000.000	400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	312.189.952.182	172.878.302.008
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.761.279.910)	(6.761.279.910)
140	III. Hàng tồn kho	8	8.871.078.567.586	4.821.500.983.389
141	1. Hàng tồn kho		8.898.028.802.451	4.835.669.252.872
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(26.950.234.865)	(14.168.269.483)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.772.406.246.461	561.639.809.674
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	109.041.648.878	89.057.046.906
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	1.663.363.850.523	472.570.764.899
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	747.060	11.997.869
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.675.084.741.950	5.252.489.822.394
210	I. Phải thu dài hạn		1.458.000.000	28.470.549.901
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	25.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.458.000.000	3.470.549.901
220	II. Tài sản cố định		6.760.466.142.666	4.590.256.155.671
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.396.829.534.741	4.010.721.553.262
222	Nguyên giá		9.400.950.244.633	6.334.589.034.551
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.004.120.709.892)	(2.323.867.481.289)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	79.990.575.402	286.223.132.542
225	Nguyên giá		156.586.057.440	390.450.105.019
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(76.595.482.038)	(104.226.972.477)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	283.646.032.523	293.311.469.867
228	Nguyên giá		316.828.687.046	322.941.011.046
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(33.182.654.523)	(29.629.541.179)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.333.535.754.767	294.089.597.497
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	1.333.535.754.767	294.089.597.497
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	90.969.102.467	25.902.371.384
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		44.369.102.467	25.902.371.384
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.600.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		488.655.742.050	313.771.147.941
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	412.307.081.315	218.966.831.302
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	64.981.164.590	94.804.316.639
269	3. Lợi thế thương mại	15	11.367.496.145	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.438.455.873.654	12.309.985.935.473

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.268.653.940.969	8.180.013.371.207
310	I. Nợ ngắn hạn		13.427.903.865.258	6.757.387.367.397
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	3.482.818.939.548	1.620.489.926.985
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	417.642.163.076	152.344.207.252
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	167.199.725.948	196.510.882.399
314	4. Phải trả người lao động		105.069.186.683	82.046.846.238
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	101.223.708.394	262.426.636.612
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	77.593.435.079	46.540.401.931
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	9.015.062.474.063	4.366.172.782.781
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		61.294.232.467	30.855.683.199
330	II. Nợ dài hạn		2.840.750.075.711	1.422.626.003.810
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	2.835.803.760.461	1.418.572.001.810
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		4.946.315.250	4.054.002.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.169.801.932.685	4.129.972.564.266
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	5.169.801.932.685	4.129.972.564.266
411	1. Vốn cổ phần		3.499.966.830.000	1.965.398.290.000
411a	Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		3.499.966.830.000	1.965.398.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		151.583.183.521	551.571.933.521
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		34.535.741.195	6.784.575.670
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.446.534.555.355	1.602.771.684.847
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		114.870.643.184	98.578.241.748
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.331.663.912.171	1.504.193.443.099
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.3	37.181.622.614	3.446.080.228
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21.438.455.873.654	12.309.985.935.473

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	26.336.984.183.123	18.006.498.541.322
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(187.939.347.844)	(112.783.060.369)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	26.149.044.835.279	17.893.715.480.953
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(21.730.791.206.018)	(13.717.393.786.963)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.418.253.629.261	4.176.321.693.990
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	53.912.840.001	38.428.728.972
22	7. Chi phí tài chính	25	(589.176.690.666)	(255.684.384.136)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(482.275.637.847)	(209.035.437.498)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(1.512.517.323.076)	(1.139.602.275.640)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(801.479.758.048)	(900.715.660.702)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.568.992.697.472	1.918.748.102.484
31	11. Thu nhập khác	27	78.166.099.473	12.438.447.274
32	12. Chi phí khác	27	(4.519.323.205)	(24.436.799.077)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	27	73.646.776.268	(11.998.351.803)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.642.639.473.740	1.906.749.750.681
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(281.166.867.134)	(437.894.050.149)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(29.823.152.049)	35.333.822.795
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.331.649.454.557	1.504.189.523.327
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.331.663.912.171	1.504.193.443.099
62	19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(14.457.614)	(3.919.772)
70	20. Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) - Lãi cơ bản trên cổ phiếu - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.5		4.226 4.226


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.642.639.473.740	1.906.749.750.681
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	11, 12, 13, 15	705.280.876.622	548.687.219.681
03	Các khoản dự phòng		21.765.234.299	11.863.839.459
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.247.689.692	4.522.119.842
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.207.483.003)	(6.762.148.291)
06	Chi phí lãi vay	25	482.275.637.847	209.035.437.498
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.836.001.429.197	2.674.096.218.870
09	Tăng các khoản phải thu		(1.940.119.982.438)	(275.398.648.744)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.062.359.549.579)	(1.278.775.737.798)
11	Tăng các khoản phải trả		1.990.194.619.701	1.251.763.256.721
12	Tăng chi phí trả trước		(104.000.439.171)	(110.709.151.095)
14	Tiền lãi vay đã trả		(470.782.599.301)	(209.357.317.508)
15	Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(340.323.719.741)	(377.577.508.418)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(82.041.727.870)	(32.821.856.159)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(2.173.431.969.202)	1.641.219.255.869
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(4.016.935.385.411)	(1.306.700.247.402)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		49.677.813.863	5.357.567.669
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(27.450.000.000)	(900.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.367.000.000
27	Tiền lãi đã nhận		700.711.525	4.781.142.242
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.994.006.860.023)	(1.293.094.537.491)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		34.601.710.000	116.395.667.397
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(508.729)
33	Tiền thu từ đi vay		27.410.327.886.870	12.715.960.175.942
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(21.212.709.164.619)	(12.485.356.652.060)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(147.033.010.824)	(67.794.496.495)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(196.362.984.225)	(327.038.699.875)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		5.888.824.437.202	(47.834.513.820)
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(278.614.392.023)	300.290.204.558
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	576.620.705.083	276.693.474.303
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.634.993.709)	(362.973.778)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	292.371.319.351	576.620.705.083


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có ba trăm bốn mươi ba (343) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 8.200 (30 tháng 9 năm 2016: 7.095).

Cơ cấu tổ chức

Tập đoàn bao gồm Công ty và 17 công ty con như sau:

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định ("HSBD")

HSBD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải & Cơ khí Hoa Sen (“HTME”)

HTME là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong năm hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An (“HSNA”)

HSNA là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNA tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hải, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNA trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNA (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam (“HSHN”)

HSHN là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công Nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định (“HSNH”)

HSNH là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNH trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội ("HSVH")

HSVH là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSVH tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSVH trong năm hiện tại là kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSVH (30 tháng 9 năm 2016: 70%).

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái ("HSYB")

HSYB là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSYB tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB trong năm hiện tại là kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSYB (30 tháng 9 năm 2016: 70%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSRE")

HSRE là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSRE tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSRE trong năm hiện tại là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSRE (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSCC")

HSCC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSCC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSCC trong năm hiện tại là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSCC (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIP")

HSIP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIP tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIP trong năm hiện tại là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIP (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSSP")

HSSP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSSP tọa lạc tại Thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSSP trong năm hiện tại là đầu tư cảng sông, cảng biển.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSSP (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIC")

HSIC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIC trong năm hiện tại là sản xuất sắt, thép và gang.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIC (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ ("HSPM")

HSPM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502313442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSPM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSPM trong năm hiện tại là sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSPM (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái ("HSYB-LTD")

HSYB-LTD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200870602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 6 tháng 1 năm 2017. Trụ sở đăng ký của HSYB-LTD tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB-LTD trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSYB-LTD.

- ▶ Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long ("HSDL")

HSDL là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500272658 - điều chỉnh lần hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 9 năm 2017. Trụ sở đăng ký của HSDL tọa lạc tại Số 65 Đường Trần Quang Diệu, Phường Thanh Sơn, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSDL trong năm hiện tại là đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSDL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến động trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn nhận chuyển nhượng hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và hàng năm Tập đoàn thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp) cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua công ty HSDL

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn đã mua 100% tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long ("HSDL") với tổng giá phí là 24.700.000.000 VND. Theo đó, HSDL đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình xác định lại giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng có thể xác định được của HSDL. Do đó, Tập đoàn đã sử dụng giá trị hợp lý tạm thời để hợp nhất công ty con này. Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của HSDL tại ngày mua được trình bày như sau:

	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý tạm thời</i> <i>ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	38.351.654.211
Tiền	3.842.441
Các khoản phải thu	24.786.359.197
Các tài sản ngắn hạn khác	21.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.540.452.573
Nợ phải trả	30.702.898.428
Phải trả ngắn hạn khác	30.702.898.428
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm thời	7.648.755.783
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	17.051.244.217
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	24.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.395.109.469	12.729.078.269
Tiền gửi ngân hàng	276.984.603.292	513.748.104.939
Tiền đang chuyển	848.084.715	50.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	143.521.875
TỔNG CỘNG	<u>292.371.319.351</u>	<u>576.620.705.083</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	1.147.137.710.966	512.855.535.081
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	484.645.235	27.493.400
TỔNG CỘNG	<u>1.147.622.356.201</u>	<u>512.883.028.481</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.021.279.910)	(6.021.279.910)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>1.141.601.076.291</u>	<u>506.861.748.571</u>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	349.063.969.833	413.718.365.689
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	4.616.198.665
TỔNG CỘNG	<u>349.063.969.833</u>	<u>418.334.564.354</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	312.189.952.182	172.878.302.008
Đặt cọc	139.310.128.600	53.959.892.062
Tạm ứng để mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Phải thu bồi thường	31.520.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	27.744.442.409	20.846.911.314
Bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	-
Khác	3.432.154.173	7.888.271.632
Dài hạn	1.458.000.000	3.470.549.901
Ký quỹ, ký cược	1.458.000.000	3.470.549.901
TỔNG CỘNG	313.647.952.182	176.348.851.909
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(740.000.000)	(740.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	312.907.952.182	175.608.851.909
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	222.724.725.182	85.425.624.909
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	90.183.227.000	90.183.227.000

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	2.785.840.233.964	1.211.410.567.699
Hàng mua đang đi đường	2.582.630.028.127	1.576.075.705.558
Thành phẩm	2.111.432.921.511	1.358.911.213.509
Công cụ, dụng cụ	727.542.052.803	385.159.981.694
Hàng hóa	690.583.566.046	273.447.375.269
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	30.664.409.143
TỔNG CỘNG	8.898.028.802.451	4.835.669.252.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.950.234.865)	(14.168.269.483)
GIÁ TRỊ THUẦN	8.871.078.567.586	4.821.500.983.389

Như được trình bày tại Thuyết minh số 21, Tập đoàn đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 2.981.550.094.254 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	109.041.648.878	89.057.046.906
Chi phí công cụ, dụng cụ	31.879.306.315	30.110.567.566
Chi phí quảng cáo	27.486.428.721	24.585.328.927
Chi phí thuê nhà xưởng	21.096.714.881	13.439.356.204
Chi phí sửa chữa	9.816.289.531	2.352.783.842
Chi phí tư vấn	5.022.641.070	1.615.463.792
Chi phí bảo hiểm	1.822.964.857	1.272.363.610
Khác	11.917.303.503	15.681.182.965
Dài hạn	412.307.081.315	218.966.831.302
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	132.158.152.780	101.715.319.644
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	130.330.964.983	96.224.400.019
Chi phí san lấp mặt bằng	81.632.371.044	-
Chi phí làm bằng hiệu	25.377.730.855	-
Chi phí sửa chữa	21.983.972.896	12.044.617.510
Khác	20.823.888.757	8.982.494.129
TỔNG CỘNG	521.348.730.193	308.023.878.208

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (*)	25.000.000.000	-
Bên khác	400.000.000	400.000.000
Dài hạn		
Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (*)	-	25.000.000.000
TỔNG CỘNG	25.400.000.000	25.400.000.000

(*) Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện số tiền Tập đoàn cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hội, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	1.208.349.888.248	4.668.890.879.333	410.415.542.405	25.462.748.305	21.469.976.260	6.334.589.034.551
Mua mới trong năm	3.372.754.965	224.477.005.875	93.080.080.023	12.529.749.707	563.130.430	334.022.721.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	376.501.078.794	2.141.187.274.345	22.886.152.237	1.441.453.442	1.973.220.700	2.543.989.179.518
Mua lại từ tài sản cố định thuế tài chính	-	240.335.738.629	12.199.636.362	-	-	252.535.374.991
Thanh lý, nhượng bán	(1.290.540.099)	(59.266.121.019)	(3.372.084.449)	(257.319.860)	-	(64.186.065.427)
Số cuối năm	1.586.933.181.908	7.215.624.777.163	535.209.326.578	39.176.631.594	24.006.327.390	9.400.950.244.633
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	29.219.873.789	561.898.448.187	23.184.455.902	1.761.065.426	6.663.605.856	622.727.449.160
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(298.403.104.538)	(1.888.702.822.164)	(112.384.028.145)	(9.048.250.503)	(15.329.275.939)	(2.323.867.481.289)
Khấu hao trong năm	(69.180.695.020)	(508.145.736.403)	(53.987.604.958)	(5.620.121.613)	(2.950.746.880)	(639.884.904.874)
Mua lại từ tài sản cố định thuế tài chính	-	(80.268.435.491)	(3.522.165.280)	-	-	(83.790.600.771)
Thanh lý, nhượng bán	618.577.353	40.384.104.633	2.276.893.350	142.701.706	-	43.422.277.042
Số cuối năm	(366.965.222.205)	(2.436.732.889.425)	(167.616.905.033)	(14.525.670.410)	(18.280.022.819)	(3.004.120.709.892)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	909.946.783.710	2.780.188.057.169	298.031.514.260	16.414.497.802	6.140.700.321	4.010.721.553.262
Số cuối năm	1.219.967.959.703	4.778.891.887.738	367.592.421.545	24.650.961.184	5.726.304.571	6.396.829.534.741
Trong đó:						
Thế chấp (Thuyết minh số 21)	812.836.204.518	3.042.494.800.180	174.991.407.846	5.248.107.694	2.315.640.574	4.037.886.160.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	370.117.377.749	20.332.727.270	390.450.105.019
Tăng trong năm	18.671.327.412	-	18.671.327.412
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(240.335.738.629)	(12.199.636.362)	(252.535.374.991)
Số cuối năm	<u>148.452.966.532</u>	<u>8.133.090.908</u>	<u>156.586.057.440</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(100.120.989.216)	(4.105.983.261)	(104.226.972.477)
Khấu hao trong năm	(54.295.924.361)	(1.863.185.971)	(56.159.110.332)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	80.268.435.491	3.522.165.280	83.790.600.771
Số cuối năm	<u>(74.148.478.086)</u>	<u>(2.447.003.952)</u>	<u>(76.595.482.038)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>269.996.388.533</u>	<u>16.226.744.009</u>	<u>286.223.132.542</u>
Số cuối năm	<u>74.304.488.446</u>	<u>5.686.086.956</u>	<u>79.990.575.402</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	321.122.786.265	1.818.224.781	322.941.011.046
Tăng trong năm	-	294.930.000	294.930.000
Thanh lý, nhượng bán	(6.407.254.000)	-	(6.407.254.000)
Số cuối năm	<u>314.715.532.265</u>	<u>2.113.154.781</u>	<u>316.828.687.046</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>456.396.144</i>	<i>1.818.224.781</i>	<i>2.274.620.925</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(27.827.904.998)	(1.801.636.181)	(29.629.541.179)
Hao mòn trong năm	(3.520.467.444)	(32.645.900)	(3.553.113.344)
Số cuối năm	<u>(31.348.372.442)</u>	<u>(1.834.282.081)</u>	<u>(33.182.654.523)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>293.294.881.267</u>	<u>16.588.600</u>	<u>293.311.469.867</u>
Số cuối năm	<u>283.367.159.823</u>	<u>278.872.700</u>	<u>283.646.032.523</u>

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 21, Tập đoàn đã thế chấp một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 là 167.300.426.264 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	623.945.764.106	173.966.203.042
Chi phí xây dựng	661.097.249.383	112.969.902.665
Sửa chữa lớn tài sản cố định	8.540.174.075	6.599.936.834
Khác	39.952.567.203	553.554.956
TỔNG CỘNG	<u>1.333.535.754.767</u>	<u>294.089.597.497</u>

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 3 năm kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị phân bổ trong năm và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

	VND
	Giá trị
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	17.051.244.217
Số cuối năm	<u>17.051.244.217</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	(5.683.748.072)
Số cuối năm	<u>(5.683.748.072)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>11.367.496.145</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	44.369.102.467	25.902.371.384
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (**)	46.600.000.000	-
TỔNG CỘNG	90.969.102.467	25.902.371.384

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	(%)	VND	(%)	VND		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadep	45	16.019.102.467	45	25.002.371.384	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	45	450.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45	27.900.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
TỔNG CỘNG		44.369.102.467		25.902.371.384		

(**) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	3.418.891.156.478	1.609.231.521.388
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	<u>63.927.783.070</u>	<u>11.258.405.597</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.482.818.939.548</u>	<u>1.620.489.926.985</u>

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	278.163.648.717	26.413.121.165
Các bên khác	<u>139.478.514.359</u>	<u>125.931.086.087</u>
TỔNG CỘNG	<u>417.642.163.076</u>	<u>152.344.207.252</u>

18. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.928.828.914	281.166.867.134	(340.323.719.741)	55.771.976.307
Thuế GTGT	76.547.803.465	1.682.389.184.523	(1.651.498.077.413)	107.438.910.575
Thuế thu nhập cá nhân	3.119.851.654	42.726.095.047	(43.129.030.389)	2.716.916.312
Các loại thuế khác	<u>1.914.398.366</u>	<u>190.369.980.850</u>	<u>(191.012.456.462)</u>	<u>1.271.922.754</u>
TỔNG CỘNG	<u>196.510.882.399</u>	<u>2.196.652.127.554</u>	<u>(2.225.963.284.005)</u>	<u>167.199.725.948</u>
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	472.570.764.899	1.391.557.182.622	(200.764.096.998)	1.663.363.850.523
Thuế thu nhập cá nhân	<u>11.997.869</u>	<u>747.060</u>	<u>(11.997.869)</u>	<u>747.060</u>
TỔNG CỘNG	<u>472.582.762.768</u>	<u>1.391.557.929.682</u>	<u>(200.776.094.867)</u>	<u>1.663.364.597.583</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng và lương tháng 13	53.536.809.000	187.345.248.580
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.008.495.530	13.043.613.180
Chi phí lãi vay	15.657.863.150	4.164.824.604
Chi phí điện	10.315.223.937	11.627.442.689
Chi phí vận chuyển	2.843.019.695	3.587.787.177
Khác	862.297.082	42.657.720.382
TỔNG CỘNG	101.223.708.394	262.426.636.612

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản phải trả để mua Hoa Sen Du Long	24.700.000.000	-
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần của Gemadept	15.776.367.206	-
Nhận đặt cọc dự thầu	10.192.386.680	28.888.223.493
Phải trả cổ tức	4.731.068.925	4.702.534.150
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.425.763.500	761.223.150
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.000.000.000	1.002.300.000
Các khoản phải trả khác	19.767.848.768	11.186.121.138
TỔNG CỘNG	77.593.435.079	46.540.401.931

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.015.062.474.063	4.366.172.782.781
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	8.502.860.876.262	3.954.271.503.856
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	485.500.382.125	340.564.271.336
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	26.701.215.676	71.337.007.589
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.835.803.760.461	1.418.572.001.810
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	2.821.013.820.224	1.316.636.732.692
Nợ dài hạn thuê tài chính (Thuyết minh số 21.3)	14.789.940.237	101.935.269.118
TỔNG CỘNG	11.850.866.234.524	5.784.744.784.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	VND Giá trị
Số đầu năm	5.784.744.784.591
Tiền thu từ đi vay	27.410.327.886.870
Nợ thuê tài chính phát sinh	15.251.890.030
Tiền chi trả nợ gốc vay	(21.212.709.164.619)
Trả nợ thuê tài chính	(147.033.010.824)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	283.848.476
Số cuối năm	11.850.866.234.524

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	986.309.498.640	Từ ngày 5 tháng 10 năm 2017 đến ngày 28 tháng 2 năm 2018	Từ 5,0 đến 5,4	Quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị và hàng tồn kho
Vay USD	66.798.910.753	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2017 đến ngày 29 tháng 10 năm 2017	2,4	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	1.931.100.509.250	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2018	Từ 5,0 đến 5,2	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	1.097.974.099.673	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2018 đến ngày 28 tháng 2 năm 2018	2,2	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam				
Vay VND	52.757.493.746	Từ ngày 06 tháng 11 năm 2017 đến ngày 26 tháng 03 năm 2018	5,0	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	73.944.484.501	Từ ngày 4 tháng 10 năm 2017 đến ngày 28 tháng 2 năm 2018	Từ 5,1 đến 5,3	Quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải và hàng tồn kho
Vay USD	205.467.521.673	Từ ngày 28 tháng 11 năm 2017 đến ngày 11 tháng 3 năm 2018	Từ 2,1 đến 2,7	Quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh				
Vay VND	195.000.000.000	Ngày 18 tháng 12 năm 2017	4,1	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay VND	411.180.558.828	Từ ngày 5 tháng 10 năm 2017 đến ngày 28 tháng 1 năm 2018	Từ 3,54 đến 5,1	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh				
Vay VND	338.787.032.800	Từ ngày 4 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Từ 5,1 đến 5,4	Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn				
Vay VND	46.000.000.000	Ngày 14 tháng 10 năm 2017	5,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Vay USD	231.551.797.178	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2017 đến ngày 11 tháng 2 năm 2018	2,3	Hàng tồn kho
Ngân hàng UOB - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh				
Vay VND	128.277.652.539	Từ ngày 10 tháng 12 năm 2017 đến ngày 25 tháng 1 năm 2018	Từ 4,3 đến 4,7	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam				
Vay VND	356.192.812.511	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2018	Từ 5,1 đến 5,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu				
Vay VND	88.337.190.470	Ngày 25 tháng 09 năm 2018	5,2	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài				
Vay VND	228.182.628.564	Từ ngày 2 tháng 10 năm 2017 đến ngày 5 tháng 3 năm 2018	Từ 5,0 đến 5,2	Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Vay VND	560.998.382.668	Từ ngày 24 tháng 11 năm 2017 đến ngày 27 tháng 1 năm 2018	Từ 4,3 đến 4,5	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh				
Vay USD	183.738.960.831	Ngày 10 tháng 11 năm 2017	2,4	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Phương Đông				
Vay USD	101.116.342.236	Từ ngày 8 tháng 12 năm 2017 đến ngày 11 tháng 1 năm 2018	2,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam				
Vay VND	69.552.012.717	Ngày 25 tháng 12 năm 2017	5,2	Tín chấp
Vay USD	100.028.241.700	Ngày 11 tháng 1 năm 2018	2,3	Tín chấp
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh				
Vay USD	267.096.812.128	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đến ngày 13 tháng 3 năm 2018	Từ 2,2 đến 2,3	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An				
Vay VND	782.467.932.856	Từ ngày 22 tháng 12 năm 2017 đến ngày 28 tháng 3 năm 2018	Từ 5,0 đến 5,2	Hàng tồn kho

TỔNG CỘNG **8.502.860.876.262**

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	438.207.376.490	Từ ngày 14 tháng 11 năm 2018 đến ngày 7 tháng 2 năm 2022	Từ 8,0 đến 8,8	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VND	28.681.419.500	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận				
Vay VND	15.650.582.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến 17 tháng 6 năm 2020	8,5	Phương tiện vận tải
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	2.521.016.619.591	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đến 5 tháng 1 năm 2026	Từ 7,5 đến 9,0	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay USD	12.967.201.065	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,7	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	16.344.139.975	Ngày 7 tháng 1 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu				
Vay VND	72.011.652.214	Ngày 30 tháng 8 năm 2024	8,0	Máy móc, thiết bị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất</i> <i>(%/năm)</i>	<i>Hình thức</i> <i>đảm bảo</i>
<i>Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh</i>				
Vay VND	52.083.333.341	Từ ngày 9 tháng 10 năm 2017 đến ngày 10 tháng 9 năm 2019	Từ 4,45 đến 8,0	Tất cả tài sản thuộc dự án Hoa Sen Bình Định
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài</i>				
Vay VND	2.834.650.000	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2017 đến ngày 28 tháng 4 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu</i>				
Vay VND	146.717.228.173	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2017 đến ngày 19 tháng 7 năm 2021	Từ 7,5 đến 8,8	Máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	<u>3.306.514.202.349</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>485.500.382.125</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>2.821.013.820.224</i>			

Tập đoàn sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 *Nợ thuế tài chính*

Tập đoàn hiện đang thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng các khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng các khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	
<i>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</i>					
Dưới 1 năm	29.186.748.807	2.485.533.131	26.701.215.676	11.206.673.419	71.337.007.589
<i>Nợ thuế tài chính dài hạn</i>					
Từ 1 - 5 năm	15.388.778.781	598.838.544	14.789.940.237	8.983.715.766	101.935.269.118
TỔNG CỘNG	44.575.527.588	3.084.371.675	41.491.155.913	20.190.389.185	173.272.276.707

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm (trình bày trước đây)	1.007.907.900.000	487.290.470.363 (52.113.695.510)	-	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.452.507.322.241	2.910.722.465.523
Số đầu năm (phân loại lại) (*)	1.007.907.900.000	487.290.470.363 (52.113.695.510)	8.525.313.060	-	-	6.605.155.369	1.452.507.322.241	2.910.722.465.523
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.504.193.443.099	1.504.193.443.099
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	957.490.390.000	-	-	-	-	-	(957.490.390.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	(508.729)	-	-	-	(327.567.667.500)	(327.567.667.500)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(508.729)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	64.281.463.158	52.114.204.239	-	-	-	-	116.395.667.397
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(8.525.313.060)	-	-	8.525.313.060	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(26.114.981.672)	(26.114.981.672)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	29.379.354.381	(29.379.354.381)	-
Thường vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	-	(21.902.000.000)	(21.902.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(29.199.934.080)	-	(29.199.934.080)
Số cuối năm	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	-	-	6.784.575.670	1.602.771.684.847	4.126.526.484.038

(*) Phân loại lại theo Thông tư số 200/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

<i>Năm nay</i>	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	1.965.398.290.000	551.571.933.521	6.784.575.670	1.602.771.684.847	4.126.526.484.038
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.331.663.912.171	1.331.663.912.171
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	1.099.978.080.000	-	-	(1.099.978.080.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	(196.539.829.000)	(196.539.829.000)
Thặng dư vốn cổ phần (**)	399.988.750.000	(399.988.750.000)	-	-	-
Tăng từ phát hành cổ phiếu có chọn lựa cho người lao động (*)	34.601.710.000	-	-	-	34.601.710.000
Hoàn nhập khoản cổ tức đã công bố	-	-	-	148.310.000	148.310.000
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(60.167.737.724)	(60.167.737.724)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	80.063.704.939	(80.063.704.939)	-
Thường hoàn thành kế hoạch (***)	-	-	-	(51.300.000.000)	(51.300.000.000)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(52.312.539.414)	-	(52.312.539.414)
Số cuối năm	3.499.966.830.000	151.583.183.521	34.535.741.195	1.446.534.555.355	5.132.620.310.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan đã thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành này vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành là 3.460.171 cổ phiếu giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, và tổng giá trị 34.601.710.000 VND. Công ty cũng đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 4 năm 2017 cập nhật việc tăng vốn này.
- (**) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 38/NQ/HĐQT/2017 ngày 3 tháng 5 năm 2017 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 100:75 (phát hành 75 cổ phiếu mới cho mỗi 100 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) và kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành này vào ngày 8 tháng 6 năm 2017 với tổng số cổ phiếu được phát hành là 149.996.683 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 1.499.966.830.000 VND. Công ty đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 6 năm 2017 cập nhật việc tăng vốn này.
- (***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2016 ngày 18 tháng 1 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức thưởng hoàn thành kế hoạch là 4% lợi nhuận sau thuế.

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.965.398.290.000	1.007.907.900.000
Tăng trong năm	<u>1.534.568.540.000</u>	<u>957.490.390.000</u>
Số cuối năm	<u>3.499.966.830.000</u>	<u>1.965.398.290.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	196.539.829.000	327.567.667.500
Cổ tức đã trả bằng tiền	196.362.984.225	327.038.699.875

22.3 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.446.080.228	-
Vốn điều lệ đã góp	33.750.000.000	3.450.000.000
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	<u>(14.457.614)</u>	<u>(3.919.772)</u>
Số cuối năm	<u>37.181.622.614</u>	<u>3.446.080.228</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.4 Vốn cổ phần

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	349.996.683	196.539.829
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	349.996.683	196.539.829

Các cổ phiếu đã phát hành của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	1.331.663.912.171	1.504.193.443.099
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(53.266.556.487)	(60.167.737.724)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.278.397.355.684	1.444.025.705.375
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	348.167.058	341.725.667
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	3.672	4.226
Lãi suy giảm	3.672	4.226

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ là 4% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017.

(**) Tổng số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm trước được điều chỉnh hồi tố do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty phát sinh trong năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	26.336.984.183.123	18.006.498.541.322
<i>Trong đó:</i>		
Thành phẩm	16.428.207.199.548	13.186.708.856.497
Hàng hóa	9.829.348.382.934	4.788.804.258.942
Khác	79.428.600.641	30.985.425.883
Các khoản giảm trừ doanh thu	(187.939.347.844)	(112.783.060.369)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(176.829.729.476)	(97.697.573.236)
Hàng bán bị trả lại	(9.163.655.524)	(4.928.478.632)
Giảm giá hàng bán	(1.945.962.844)	(10.157.008.501)
DOANH THU THUẦN	26.149.044.835.279	17.893.715.480.953
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên khác	22.073.429.131.341	15.461.462.955.111
Doanh thu với các bên liên quan	4.075.615.703.938	2.432.252.525.842

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	53.212.128.476	33.647.586.730
Thu nhập từ lãi tiền gửi	700.711.525	2.954.531.757
Thu nhập từ đầu tư tài chính	-	1.826.610.485
TỔNG CỘNG	53.912.840.001	38.428.728.972

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thành phẩm	13.079.930.345.990	9.483.644.403.917
Hàng hóa	8.637.735.118.160	4.208.202.828.538
Hoạt động khác	13.125.741.868	25.546.554.508
TỔNG CỘNG	21.730.791.206.018	13.717.393.786.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	482.275.637.847	209.035.437.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.670.094.210	33.143.557.879
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.247.689.692	4.522.119.842
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	8.983.268.917	8.983.268.917
TỔNG CỘNG	<u>589.176.690.666</u>	<u>255.684.384.136</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.512.517.323.076	1.139.602.275.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	782.988.770.276	551.250.173.010
Chi phí nhân viên	349.218.520.788	273.388.599.137
Chi phí khấu hao và hao mòn	82.096.541.208	48.244.020.726
Chi phí khác	298.213.490.804	266.719.482.767
Chi phí quản lý doanh nghiệp	801.479.758.048	900.715.660.702
Chi phí nhân viên	384.005.935.553	482.969.462.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.043.138.814	56.362.244.197
Chi phí khấu hao và hao mòn	43.990.072.469	38.808.799.980
Chi phí khác	314.440.611.212	322.575.154.255
TỔNG CỘNG	<u>2.313.997.081.124</u>	<u>2.040.317.936.342</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	78.166.099.473	12.438.447.274
Tiền bồi thường	47.003.413.223	5.088.647.015
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22.506.771.478	2.057.909.801
Thu nhập khác	8.655.914.772	5.291.890.458
Chi phí khác	(4.519.323.205)	(24.436.799.077)
Chi phí khác	(4.519.323.205)	(24.436.799.077)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>73.646.776.268</u>	<u>(11.998.351.803)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	15.580.007.670.287	12.819.482.741.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.026.745.443.051	1.587.140.983.390
Chi phí nhân viên	1.057.402.851.870	987.026.559.466
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12, 13 và 15)	705.280.876.622	548.687.219.681
Chi phí khác	1.293.457.339.052	1.088.873.335.950
TỔNG CỘNG	<u>20.662.894.180.882</u>	<u>17.031.210.839.727</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ:

- HSBD được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 4 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSNA và HSNH là 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi các công ty con này có phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Các công ty con này được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 9 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSHN là 17% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 4 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	280.803.086.281	438.192.658.926
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	363.780.853	(298.608.777)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	29.823.152.049	(35.333.822.795)
TỔNG CỘNG	<u>310.990.019.183</u>	<u>402.560.227.354</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.642.639.473.740	1.906.749.750.681
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	302.180.473.505	390.883.698.890
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ	33.645.046.649	23.228.820.414
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	363.780.853	(298.608.777)
Phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	1.136.749.614	-
Lỗ phát sinh trong năm của các công ty con	5.348.761.607	9.166.327.299
Thuế TNDN được miễn, giảm	(28.138.737.931)	(22.541.884.611)
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.066.677.799)	-
Khác	(1.479.377.315)	2.121.874.139
Chi phí thuế TNDN	<u>310.990.019.183</u>	<u>402.560.227.354</u>

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	30.855.331.987	33.017.132.333	(2.161.800.346)	2.986.561.521
Chi phí trích trước	17.194.324.156	45.849.491.271	(28.655.167.115)	28.159.566.767
Các khoản dự phòng	13.309.683.206	13.760.789.860	(451.106.654)	6.557.686.524
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.135.161.780	68.118.757	1.067.043.023	(1.842.355.992)
Khác	2.486.663.461	2.108.784.418	377.879.043	(527.636.025)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>64.981.164.590</u>	<u>94.804.316.639</u>		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>(29.823.152.049)</u>	<u>35.333.822.795</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Phí vận chuyển Chiết khấu thương mại Bán tài sản Mua dịch vụ du lịch Cung cấp dịch vụ Bán hàng khác Mua hàng khác Hàng bán trả lại Mua tài sản Thuế hoạt động	4.147.238.165.577 2.868.198.606.916 72.074.570.683 73.088.884.008 36.386.756.005 40.442.810.907 1.718.377.268 149.800.426 70.434.559 391.570.015 - 447.272.724	2.458.482.180.432 929.183.348.655 27.949.504.004 26.301.990.998 2.617.000.000 22.275.932.398 1.400.609.480 67.464.274 189.184.542 1.395.737.346 656.000.000 447.272.724	
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Phí vận chuyển Cung cấp dịch vụ	33.969.937.191 144.000.000	- -	
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Bên liên quan	Thu hồi vốn	-	4.367.000.000	
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Công ty liên kết	Góp vốn	27.450.000.000	450.000.000	
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	Công ty liên kết	Góp vốn	-	450.000.000	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng hóa	451.645.235	27.493.400	
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	33.000.000	-	
TỔNG CỘNG			484.645.235	27.493.400	
Trả trước người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	4.616.198.665	
Phải thu ngắn hạn khác					
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	56.910.755.597	11.258.405.597	
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Mua dịch vụ	7.017.027.473	-	
TỔNG CỘNG			63.927.783.070	11.258.405.597	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng hóa	278.163.648.717	26.413.121.165	
Phải trả ngắn hạn khác					
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Tạm ứng	1.000.000.000	1.000.000.000	
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Phải trả khác	-	2.300.000	
TỔNG CỘNG			1.000.000.000	1.002.300.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	19.015.551.104	13.233.255.424
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	14.580.000.000	5.968.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	2.000.000.000	1.859.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	26.810.000.000	11.636.460.000
TỔNG CỘNG	62.405.551.104	32.696.715.424

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	109.150.036.089	82.759.697.967
Từ 1 tới 5 năm	378.856.719.212	287.468.710.149
Trên 5 năm	466.809.457.041	301.261.164.310
TỔNG CỘNG	954.816.212.343	671.489.572.426

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu thu được trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.304.329.547	1.871.286.366
Từ 1 tới 5 năm	3.890.081.818	2.209.036.365
Trên 5 năm	2.587.200.000	-
TỔNG CỘNG	8.781.611.365	4.080.322.731

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn có khoản cam kết trị giá 785.047.782.983 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 836.113.556.098 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chính yếu, là bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu").

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Doanh thu	16.519.595.874.091	11.693.250.961.546	9.629.448.961.188	6.200.464.519.407	26.149.044.835.279	17.893.715.480.953	
Giá vốn	(13.491.918.361.364)	(7.869.961.490.057)	(8.238.872.844.654)	(5.847.432.296.906)	(21.730.791.206.018)	(13.717.393.786.963)	
Lợi nhuận gộp	3.027.677.512.727	3.823.289.471.489	1.390.576.116.534	353.032.222.501	4.418.253.629.261	4.176.321.693.990	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.




Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu 
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2017

